

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH KIÊN GIANG
Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 24-01-2022

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Chiến**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Phạm Thị Lệ Hoa**

2. Ông **Dương Quang Đáng**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Kim Chi** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà **Trần Thu Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T , tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2021/TLST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/HSST-QĐ ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Thị Kim T** - sinh ngày 16/10/2001

Nơi cư trú: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ học vấn: 11/12; con ông **Bùi Văn A** , sinh năm 1975 (chết) và bà **Trần Thị Thu H** , sinh năm 1980; chồng: **Thạch T** , sinh năm 1993; con: **Bùi Thị Tường L** , sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không; bị cáo được tại ngoại điều tra theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú (*Bị cáo có mặt*).

** Người bị hại:*

Bà **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

** Người làm chứng:*

1. **Nguyễn Thị L** - sinh năm 1955 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

2. **Trần Văn R** - sinh năm 1948 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T , xã T , huyện T , tỉnh Kiên Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 05 giờ ngày 09/5/2021, Bùi Thị Kim T lợi dụng lúc bà Nguyễn Thị V (em ruột của bà ngoại Bùi Thị Kim T) đi lễ nhà thờ vào sáng sớm chủ nhật, trong nhà chỉ có mẹ của bà V đã già, mất mớ, chân không đi lại được nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản.

T sử dụng xe đạp đi từ nhà bà Nguyễn Thị L , sinh năm 1955 (bà ngoại T) thuộc ấp T , xã T đến nhà bà V . T dựng xe đạp trước cửa nhà, đi vòng ra phía sau thấy cửa khép hờ, lợi dụng nhà không khóa cửa, không có người trông coi, T đi ra sau nhà tìm được cục gạch (loại gạch xây tường đã cũ) đập bể cửa kính tủ quần áo bằng gỗ, có kính đặt gần tủ lạnh. Sau khi tìm kiếm không có tài sản gì, T tiếp tục đến cái tủ thứ hai đặt tại phòng khách, dùng tay kéo mạnh cánh cửa bên trái thì kính bị bể rớt xuống nhưng bên trong không có tài sản. T tiếp tục dùng tay mở cánh cửa tủ bên phải không có kính thì thấy cái giỏ xách có màu nâu (loại giỏ dùng để đi đám tiệc), T đem ra ngoài kiểm tra, bên trong có 01 (một) cọc tiền mệnh giá 500.000 đồng để trong túi vải màu đen có dây rút (may bằng tay) và 01 (một) cái hộp màu cam (loại nhỏ) bên ngoài có ghi chữ vàng bạc đá quý, bên trong có 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích bằng kim loại màu vàng có mặt hình cây thánh giá bằng kim loại màu vàng; 01 (một) cái hộp màu cam (loại lớn) bên ngoài có ghi chữ vàng bạc đá quý, bên trong có 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản tròn; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản dẹp.

Sau khi lấy trộm tài sản xong, T để tất cả vào rổ xe đạp, ném bỏ túi xách xuống sông ngay trước cửa nhà của bà V rồi chạy thẳng về nhà bà ngoại của T . T dùng một bịch nylon bỏ tất cả tài sản trộm được đem ra bụi chuối sau vườn nhà bà ngoại đào lỗ dưới đất và để tài sản dưới đó, lấy lá cây đập lại để cất giấu. Đến tối ngày 12/5/2021, khi T lấy tiền và vàng đem vào nhà cất giấu dưới gầm giường ngủ trong phòng, sau đó bỏ vào bịch đựng quần áo thì bị bà Nguyễn Thị L kiểm tra và phát hiện. T thừa nhận đã trộm tài sản của bà V gồm: Tiền Việt Nam 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng) loại mệnh giá 500.000 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích bằng kim loại màu vàng có mặt hình cây thánh giá bằng kim loại màu vàng; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản tròn; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản dẹp. Bà L báo cho chồng là ông Trần Văn R đem tất cả tài sản trên nộp lại cho cơ quan Công an.

** Ngày 11/9/2021, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T trưng cầu giám định tại Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại Thành phố Hồ Chí Minh giám định đối với số tài sản thu giữ trong vụ án gồm: 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích bằng kim loại màu vàng có mặt hình cây thánh giá bằng kim loại màu*

vàng; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản tròn; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản dẹp.

Kết luận giám định số 3937/C09B ngày 27/10/2021 của Phân viện khoa học kỹ thuật hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

- 01 vòng tay nhỏ, khối lượng 2,8545 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 63,93%.

- 01 vòng tay lớn, khối lượng 8,5757 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Đồng (Cu): 44,15%, Kẽm (Zn): 55,85%.

- 01 sợi dây chuyền, khối lượng: 6,8625 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Vàng (Au): 69,68%.

** Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện T , tỉnh Kiên Giang tiến hành thu thập tài liệu có liên quan của tài sản mà Bùi Thị Kim T trộm cắp để trưng cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá theo quy định của pháp luật.*

- Kết luận định giá số 34/2021/KL-HĐĐG ngày 09/11/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận giá trị tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 09/5/2021 như sau:

- 01 (một) vòng tay nhỏ, khối lượng 2,8545 gam có thành phần kim loại Vàng (Au): 63,93%, qua khảo sát được các cơ sở xác định là loại vàng 15K, tài sản này có giá trị trung bình dao động trên thị trường là 2.370.000 đồng.

- 01 (một) sợi dây chuyền, khối lượng: 6,8625 gam có thành phần kim loại Vàng (Au): 69,68%, qua khảo sát được các cơ sở xác định là loại vàng 17K, tài sản này có giá trị trung bình dao động trên thị trường là 6.720.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản cần định giá là: 9.090.000 đồng (*Chín triệu không trăm chín mươi nghìn đồng*).

- Tài sản là 01 (một) vòng tay lớn, khối lượng 8,5757 gam được niêm phong gửi giám định có thành phần kim loại Đồng (Cu): 44,15%, Kẽm (Zn): 55,85%, tài sản này không có cơ sở xác định được giá trị do không có thành phần kim loại Vàng. Tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 09/5/2021, do ý thức chủ quan của bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt được, vì do sai lầm đối tượng nên tài sản này tương đương với vàng 17K hoặc 18K có trọng lượng nêu trên thì có giá trị trung bình dao động trên thị trường là 8.400.000 đồng. Vì vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trộm cắp tài sản đối với tài sản này.

Đối với chiếc giỏ xách màu nâu sau khi lấy trộm tài sản xong, T ném xuống sông trước cửa nhà bà V rồi chạy về nhà ngoại. Cơ quan điều tra đã tiến hành tìm kiếm chiếc giỏ xách nhưng quá trình tìm kiếm không tìm thấy được tang vật. Qua thu thập chứng cứ, không xác định được chiếc giỏ xách trên là loại gì, bị hại xác định đã lâu không sử dụng đến, không nhớ đặc điểm, giá tiền, do đó không có căn cứ để định giá.

Đối với các cánh cửa kính mà T dùng gạch đập bể để tìm tài sản lấy trộm, bà V không yêu cầu định giá tài sản.

Cáo trạng số 24/CT-VKSTH ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiên Giang truy tố bị cáo Bùi Thị Kim T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Bùi Thị Kim T. Sau khi phân tích và đánh giá mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên xử bị cáo Bùi Thị Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Đề nghị áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự;

* Xử phạt bị cáo Bùi Thị Kim T mức án từ 06 tháng đến 09 tháng tù.

* Các vật chứng thu giữ trong vụ án được xử lý như sau:

Tiền Việt Nam: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích bằng kim loại màu vàng có mặt hình cây thánh giá bằng kim loại màu vàng; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản tròn; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản dẹp; 02 (hai) cái hộp màu cam bằng nhựa dùng để đựng sợi dây và hai chiếc vòng đeo tay, bên ngoài có ghi chữ vàng bạc đá quý; 01 (một) túi vải màu đen (loại túi may bằng tay); 01 (một) cái ví cầm tay có chấm bi màu nâu. Sau khi yêu cầu giám định và định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là bà Nguyễn Thị V nhận.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị V đã nhận được tài sản bị mất trộm đầy đủ nên bà Vãn có đơn không yêu cầu bồi thường về tài sản cũng như các vật dụng trong nhà bị hư hỏng.

Tại phần nói lời sau cùng, bị cáo đã nhận thức rõ hành vi sai trái của mình và mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với

nội dung bản Cáo trạng, kết luận điều tra, cùng các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ và vật chứng đã thu giữ. Từ đó có đủ cơ sở kết luận:

Do thiếu nợ và muốn có tiền tiêu xài cá nhân, lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của bà Nguyễn Thị V, bị cáo Bùi Thị Kim T đã đột nhập vào nhà bà V để trộm cắp tài sản gồm: Tiền Việt Nam 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); 01 (một) vòng tay nhỏ, khối lượng 2,8545 gam có thành phần kim loại Vàng (Au): 63,93%, loại vàng 15K, có giá trị là 2.370.000 đồng; 01 (một) sợi dây chuyền, khối lượng: 6,8625 gam có thành phần kim loại Vàng (Au): 69,68%, là loại vàng 17K, có giá trị là 6.720.000 đồng; 01 (một) vòng tay lớn, khối lượng 8,5757 gam có thành phần kim loại Đồng (Cu): 44,15%, Kẽm (Zn): 55,85%, tài sản này không có cơ sở xác định được giá trị do không có thành phần kim loại Vàng, nếu tài sản này là vàng 17K hoặc 18K có trọng lượng nêu trên thì có giá trị trung bình dao động trên thị trường là 8.400.000 đồng, tuy nhiên tại thời điểm xảy ra vụ án ngày 09/5/2021, do ý thức chủ quan của bị cáo muốn chiếm đoạt tài sản và đã chiếm đoạt được nên tài sản này tương đương với vàng 17K hoặc 18K có trọng lượng nêu trên thì có giá trị trung bình dao động trên thị trường là 8.400.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Bùi Thị Kim T trộm cắp tài sản có giá là: 77.490.000 đồng (*Bảy mươi bảy triệu bốn trăm chín mươi nghìn đồng*).

Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản như đã viện dẫn ở trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét về tính chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, mục đích sử dụng cho tiêu xài cá nhân, bị cáo lén lút trộm cắp tài sản của bị hại một cách trái pháp luật, bị cáo là người đã trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, không lo lao động mà trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Do vậy, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình, có tác dụng răn đe và đấu tranh phòng ngừa các loại tội phạm.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, có nhân thân tốt không tiền án tiền sự, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi, được gia đình tác động bị cáo đã tự nguyện trả lại số tài sản đã trộm cắp cho bị hại, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự chuyển khung hình phạt xử phạt bị cáo trong mức án đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, cũng đủ sức răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Nguyễn Thị V đã nhận được tài sản bị mất trộm đầy đủ nên bà V có đơn không yêu cầu bồi thường về tài sản cũng như các vật dụng trong nhà bị hư hỏng, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Tiền Việt Nam: 60.000.000 đồng (sáu mươi triệu đồng); 01 (một) sợi dây chuyền dạng mắt xích bằng kim loại màu vàng có mặt hình cây thánh giá bằng kim loại màu vàng; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản tròn; 01 (một) vòng đeo tay nữ bằng kim loại màu vàng, có bản dẹp; 02 (hai) cái hộp màu cam bằng nhựa dùng để đựng sợi dây và hai chiếc vòng đeo tay, bên ngoài có ghi chữ vàng bạc đá quý; 01 (một) túi vải màu đen (loại túi may bằng tay); 01 (một) cái ví cầm tay có chàm bi màu nâu, sau khi yêu cầu giám định và định giá xong, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại bà Nguyễn Thị V nhận; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Bùi Thị Kim T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Bùi Thị Kim T 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

2. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Thị Kim T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện T ;
- Chi cục THADS huyện T ;
- Công an huyện T ;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Chiến